

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HNGĐ - ST
Ngày 29 - 5 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Sol**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Chúc L**, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Thái Văn Tr**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trịnh Thị Chúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tr quen biết và tìm hiểu nhau, quyết định đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, giấy đăng ký kết hôn số 25/2021, ngày 19/02/2021. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng gần đây anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Tr ham mê cờ bạc, lấy tài sản của gia đình bán để chơi cờ bạc. Anh chị đã không còn sống chung, đã ly thân từ tháng

7/2023 cho đến nay. Nhận thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị xin ly hôn với anh Thái Văn Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 04 người con chung tên Thái Thị Bé Ch, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Thái Thị Bé Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996; Thái Thị Bé T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998; Thái Hoàng Kh, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2002. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Chúc L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trịnh Thị Chúc L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Thái Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thị Chúc L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn Tr. Khi khởi kiện, anh Tr cư trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị Chúc L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thái Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị L và anh Tr tự nguyện kết hôn với nhau nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2021, ngày 19/02/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Tr. Anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị L và anh Tr mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân

từ tháng 7/2023 cho đến nay. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Tr là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Ly và anh Tr có bốn người con chung tên Thái Thị Bé Ch, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Thái Thị Bé Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996; Thái Thị Bé T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998; Thái Hoàng Kh, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2002. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị L và anh Tr có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì chị L và anh Tr đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Chúc L đối với anh Thái Văn Tr. Xử cho chị Trịnh Thị Chúc L được ly hôn với anh Thái Văn Tr.

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị Chúc Ly và anh Thái Văn Tr có bốn người con chung tên Thái Thị Bé Ch, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995; Thái Thị Bé Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996; Thái Thị Bé T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998; Thái Hoàng Kh, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2002. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Chúc L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị L và anh Tr có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì chị L và anh Tr đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Trịnh Thị Chúc L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Chúc L phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013007 ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Trịnh Thị Chúc L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm